TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đức Hạnh

2. Ông Hoàng Văn Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D; sinh năm: 1954; địa chỉ: Thôn ML, xã QM, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nông Thị T; sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn NQ, xã TN, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D khai ông và bà Nông Thị T đăng ký kết hôn ngày 03/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quá trình tìm hiểu chưa kỹ nên khi về chung sống với nhau thì thấy tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã và xung đột. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không giải quyết được nên đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Ông D thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Ông D và bà T không có con chung. Về tài sản, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nông Thị T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình nhưng không nộp cho cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không nộp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Sau đó, bà T không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Văn D ly hôn với bà Nông Thị T; về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án; về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn D và bà Nông Thị T đăng ký kết hôn ngày 03/6/2009 nên là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án, thì Tòa án thấy vợ chồng ông D và bà T đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết được, đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, hôn nhân giữa ông D và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho ông D ly hôn bà T.

[2] Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không có con chung; về tài sản chung thì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bị đơn không đưa ra yêu cầu gì nên Tòa án không đề cập đến.

[3] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn D ly hôn bà Nông Thị T;

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02896 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mai Hồng